

# MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN KÍ HIỆU NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH KHIẾM THÍNH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

BÙI THỊ ANH PHƯƠNG\*

Ngày nhận bài: 13/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

**Abstract:** The article analyses the contents of special Primary curriculum for students with hearing impairment and proposes the methods to teach sign language for these students. These teaching methods consist of modeling, practicing and training, individual assistance and games playing with aim at improving the communicative competency for children with hearing loss.

**Keywords:** Hearing impaired students, sign language, special primary curriculum, teaching methods.

Đối với học sinh khiếm thính (HSKT), ngôn ngữ kí hiệu có vai trò quan trọng, giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu giúp các em cảm thấy tự tin vào bản thân, thích giao tiếp; từ đó mở rộng hiểu biết, phát triển tư duy, trí tuệ. Vì vậy, việc giảng dạy kí hiệu cho các em là rất quan trọng. Trong Chương trình giáo dục chuyên biệt dạy trẻ khiếm thính được xây dựng năm 2010 và đang được thử nghiệm tại một số trường chuyên biệt hiện nay, “Kí hiệu ngôn ngữ” là môn học được quy định chính thức, bắt buộc nhằm cung cấp, trang bị cho HSKT vốn kí hiệu, giúp các em mở rộng khả năng hiểu từ, nâng cao khả năng giao tiếp và tiếp thu nội dung học tập hiệu quả hơn.

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, những nghiên cứu về ngôn ngữ kí hiệu và dạy học kí hiệu đã thực hiện từ khá sớm. Trên thế giới, có thể kể đến các nghiên cứu của các tác giả: Juan Pablo Bonet, John Bulwar, Charles Michel Albe de L'Épee, William Stokoe,.... Ở Việt Nam, có thể kể đến các công trình của các tác giả như: Đỗ Văn Ba [1], Cao Xuân Mỹ [2],... Tuy nhiên, nhìn chung các nghiên cứu này chủ yếu vẫn tập trung vào phân tích ngôn ngữ kí hiệu về mặt ngôn ngữ học hoặc thu thập, tổng hợp kí hiệu mà có ít nghiên cứu về các phương pháp dạy kí hiệu cho HSKT. Bài viết đưa ra một số phương pháp dạy học môn Kí hiệu ngôn ngữ cho HSKT cho giáo viên (GV) nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn học này.

**1. Chương trình chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học và môn Kí hiệu ngôn ngữ**

**1.1. Chương trình chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học.** Theo chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học được Bộ GD-ĐT ban hành

năm 2010, cấp tiểu học chuyên biệt kéo dài 6 năm học, gồm: lớp 1A, lớp 1B, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Mục tiêu của chương trình nhằm: hình thành, phát triển kĩ năng giao tiếp theo khả năng của từng HSKT; trang bị tri thức cơ bản và cần thiết nhất của cấp tiểu học làm cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng xã hội, tạo điều kiện cho các em phát huy hết khả năng của mình để sớm hòa nhập và tiếp tục học lên cao.

**1.2. Môn Kí hiệu ngôn ngữ.** Mục tiêu của môn học ở cấp tiểu học dành cho HSKT là: Phát triển vốn kí hiệu ngôn ngữ, giúp các em có phương tiện để trao đổi thông tin trong quá trình học tập và giao tiếp; hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng kí hiệu ngôn ngữ; góp phần xây dựng hệ thống ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính ở Việt Nam.

Trong chương trình chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học, môn Kí hiệu ngôn ngữ được phân phối giảng dạy với số tiết: lớp 1A: 3 tiết/tuần; lớp 1B, lớp 2, lớp 3, lớp 4: 2 tiết/tuần; lớp 5: 1 tiết/tuần. Như vậy, số tiết phân bổ cho môn Kí hiệu ngôn ngữ chiếm một phần lớn thời lượng của chương trình. Điều đó cho thấy môn học này rất quan trọng, được xem như là một môn học chính.

**2. Một số phương pháp dạy học môn Kí hiệu ngôn ngữ cho HSKT**

**2.1. Cơ sở đề xuất các phương pháp:**

**2.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu.** Các phương pháp dạy học môn Kí hiệu ngôn ngữ cho HSKT trước hết phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu của môn học, góp

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

phần phát triển vốn kí hiệu ngôn ngữ, giúp các em có phương tiện để trao đổi thông tin trong quá trình học tập và giao tiếp, hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng kí hiệu ngôn ngữ.

**2.1.2. Đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm tâm lí của HSKT.** Với HSKT cấp tiểu học, tư duy trực quan hành động vẫn chiếm ưu thế. Mặt khác, HSKT gặp khó khăn về khả năng nghe nhưng cảm giác tri giác thị giác và cảm giác tri giác vận động ở các em lại phát triển nổi trội. Do đó, cần dựa vào đặc điểm này để thiết kế phương pháp dạy học *Kí hiệu ngôn ngữ* cho phù hợp với HSKT.

**2.1.3. Đảm bảo tính tích cực hóa hoạt động của HSKT.** Các phương pháp được xây dựng cần đảm bảo tính tích cực hóa các hoạt động của HSKT, các em được quan sát và tạo cơ hội để tự phát hiện, tự lĩnh hội. GV là người hướng dẫn, gợi mở các hoạt động để khuyến khích các em tự tin, chủ động, tích cực tương tác, giao tiếp. Phương pháp được đề xuất trong đề tài đều tập trung hướng đến HSKT; đảm bảo cho các em được khuyến khích để tự học, tự làm một cách tối ưu có thể như: Phương pháp luyện tập - thực hành, phương pháp sử dụng trò chơi...

## **2.2. Một số phương pháp dạy học môn Kí hiệu ngôn ngữ**

**2.2.1. Phương pháp làm mẫu.** Làm mẫu là phương pháp dạy học, trong đó GV trực tiếp biểu diễn các thao tác, động tác mẫu hoặc gián tiếp biểu diễn chúng thông qua phương tiện dạy học, kết hợp với việc giải thích nhằm giúp các em lĩnh hội nội dung bài học; là phương pháp mà GV biểu diễn kí hiệu mẫu để HSKT quan sát về vị trí làm kí hiệu, hình dạng bàn tay, chuyển động của tay, chiều hướng của bàn tay, sự thể hiện không bằng tay (cử chỉ điệu bộ, nét mặt,...).

Khi làm mẫu kí hiệu cho HSKT, GV cần chuẩn bị đầy đủ đồ dùng trực quan và cung cấp kí hiệu mẫu học sinh (HS) luôn gắn với đối tượng hay đồ vật,... Việc làm kí hiệu gắn với phương tiện trực quan sẽ giúp HS tạo mối liên hệ giữa đối tượng hay đồ vật đó với kí hiệu, hiểu và ghi nhớ kí hiệu tốt hơn.

**Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp làm mẫu:**  
- **Chú ý đến vị trí đứng.** Ngôn ngữ kí hiệu là “ngôn ngữ của đôi tay”, luôn diễn ra trong một không gian nhất định; mặt khác, ngôn ngữ kí hiệu được tiếp thu qua con đường thị giác để hiểu và lĩnh hội thông tin; HS cần quan sát rõ GV làm kí hiệu. Do đó, GV cần chú ý đến vị trí đứng phù hợp, đảm bảo cho tất cả HS đều được quan sát rõ; - **Chú ý đến vị trí của đôi tay làm kí hiệu.** Khi làm mẫu kí hiệu, tay của GV nên để ở vị trí trung tâm (thông thường là khoảng không phía trước

ngực), không quá cao, quá thấp, quá xa và không quá gần với cơ thể cho thuận lợi khi làm kí hiệu và HSKT dễ dàng quan sát; - **GV cần đặc biệt quan tâm đến 5 thành tố đặc trưng của mỗi kí hiệu:** + Vị trí làm kí hiệu; + Hình dạng bàn tay; + Chuyển động của tay; + Chiều hướng của bàn tay; + Sự thể hiện không bằng tay (điệu bộ, nét mặt...) để làm mẫu kí hiệu được chính xác, rõ ràng từng thành tố.

**2.2.2. Phương pháp luyện tập - thực hành** là phương pháp dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS luyện tập, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế, giúp các em khắc sâu, tìm tòi kiến thức mới, hình thành kĩ năng, kĩ xảo cho HS. Với môn *Kí hiệu ngôn ngữ*, phương pháp luyện tập - thực hành được GV tổ chức cho HSKT ôn tập, luyện tập kí hiệu đã học, sử dụng kí hiệu để giao tiếp, giúp các em ghi nhớ kí hiệu và phát triển kĩ năng giao tiếp bằng kí hiệu.

Trong dạy học theo xu hướng hiện đại, việc tạo cơ hội cho HS tự học, “tự làm” rất được coi trọng. Do đó, có thể xem phương pháp dạy học luyện tập - thực hành là một phương pháp không thể thiếu ở tất cả các tiết học của các môn học nói chung và môn *Kí hiệu ngôn ngữ* nói riêng. Phương pháp này khi sử dụng dạy học môn *Kí hiệu ngôn ngữ* được sử dụng trong mỗi tiết học và xuyên suốt cả tiết học, chiếm phần lớn lượng thời gian của tiết học. HSKT cần được thực hành làm kí hiệu ngay sau khi GV làm mẫu, hướng dẫn từng kí hiệu mới, được củng cố lại các kí hiệu, sử dụng kí hiệu đó vào tình huống giao tiếp ở cuối tiết học.

**Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp:** - GV cần tạo cơ hội cho HSKT được thực hành, “càng nhiều càng tốt” và đảm bảo cho tất cả HS đều được thực hành; bởi thực hành không chỉ giúp các em ghi nhớ kí hiệu mà còn rèn luyện các cử động của tay để làm rõ được kí hiệu và thành thạo hơn; - GV cần sử dụng các hình thức khác nhau một cách linh hoạt để giúp HS “bắt chước”, thực hành làm kí hiệu theo: cá nhân, cả lớp hoặc phân nhóm,...; bởi học kí hiệu, HSKT dễ bị nhàm chán nếu chỉ ngồi quan sát GV làm mẫu kí hiệu sau đó “bắt chước”, thực hành làm theo GV; - GV cần giám sát, khuyến khích, khen ngợi các em hoặc chỉnh sửa hình dạng bàn tay, vị trí làm kí hiệu, chiều hướng và bàn tay, chuyển động của tay và sự diễn tả không bằng tay khi cần thiết; - Tạo cơ hội cho HSKT luyện tập, thực hành làm kí hiệu, không chỉ cho các em luyện tập, ôn lại các kí hiệu đơn lẻ mà quan trọng hơn, GV cần khuyến khích, mở rộng câu kí hiệu dựa trên ý tưởng, nhu cầu của người học.

2.2.3. *Phương pháp hỗ trợ cá nhân* là phương pháp mà ở đó, GV quan sát, theo dõi, nắm bắt nhu cầu cần giúp đỡ của HS, từ đó có sự hỗ trợ kịp thời và phù hợp cho từng cá nhân. Với HS bình thường và khuyết tật (trong đó có HSKT), mỗi em là một cá thể riêng biệt, có khả năng, nhu cầu khác nhau; do đó phương pháp hỗ trợ cá nhân được xem là một phương pháp dạy học trọng tâm nên GV cần thường xuyên sử dụng.

Với môn học *Kí hiệu ngôn ngữ*, phương pháp hỗ trợ cá nhân cần được sử dụng xuyên suốt trong cả tiết học, từ hoạt động đầu tiên là kiểm tra, ôn tập bài cũ cho đến hoạt động cuối cùng là củng cố bài mới.

*Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp hỗ trợ cá nhân*: - Việc hỗ trợ cá nhân cho HSKT không nên tập trung vào việc sửa lỗi kí hiệu, điều này sẽ khiến quá trình giao tiếp giữa HSKT với GV và giữa các em mất đi sự tự nhiên cần có của việc học và giao tiếp bằng kí hiệu; - Khi hỗ trợ cá nhân, GV cần chú ý đến mức độ hỗ trợ, có HSKT cần hỗ trợ nhiều, có em lại cần hỗ trợ ít; hiểu khả năng và nhu cầu của từng em để đưa ra các mức độ hỗ trợ phù hợp, làm tăng tối đa khả năng độc lập cho các em.

2.2.4. *Phương pháp sử dụng trò chơi* là phương pháp dạy học, trong đó GV sử dụng trò chơi học tập, qua đó giúp HS lĩnh hội kiến thức. Sử dụng trò chơi trong dạy học các môn học nói chung và môn *Kí hiệu ngôn ngữ* nói riêng, giúp HS cảm nhận được một cách trực tiếp kết quả hoạt động của mình: đúng, sai, nhiều, ít, tốt, chưa tốt... Kết quả này có ý nghĩa lớn, mang lại niềm vui, thúc đẩy tính tích cực, mở rộng củng cố và phát triển vốn hiểu biết cho HSKT, mặt khác còn giúp GV kiểm tra, nắm bắt kết quả học tập từ phía người học.

*Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp*: - Khi học môn *Kí hiệu ngôn ngữ*, HSKT phải sử dụng nhiều đến cơ quan vận động của cơ thể, chuyển động của tay. Do đó, GV cần chú ý cho HSKT chơi các trò chơi vận động mang tính chất “khởi động”, giúp các em thực hiện các chuyển động của tay và hình dạng bàn tay khi làm kí hiệu được rõ ràng, linh hoạt và thuần thục hơn; - GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi vào các thời điểm khác nhau của tiết học. Tuy nhiên, thông thường GV nên sử dụng trò chơi sau khi cung cấp các kí hiệu mới cho HSKT; - GV cần hiểu mức độ, khả năng của HSKT trong lớp của mình để thiết kế mức độ kiến thức của trò chơi phù hợp với khả năng nhận thức của các em.

\*\*\*

Ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp và tư duy. Quá trình dạy học kí hiệu cho HSKT nhằm cung cấp cho các

em một phương tiện để giao tiếp và tư duy, phát triển nhận thức. Môn *Kí hiệu ngôn ngữ* trong chương trình chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học là môn học chính thức, bắt buộc, với sự phân bố thời lượng khá lớn, nhất là ở các lớp đầu cấp tiểu học nhằm cung cấp vốn kí hiệu, hình thành và phát triển khả năng sử dụng kí hiệu làm phương tiện trao đổi thông tin trong quá trình giao tiếp và học tập cho các em. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Văn Ba (chủ biên) (2002). *Kí hiệu cử chỉ điểu bộ của người điếc Việt Nam*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [2] Cao Xuân Mỹ (chủ biên) (2005). *Phần mềm Từ điển kí hiệu cho người điếc Việt Nam*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Bộ GD-ĐT (2010). *Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [4] Barbara Lee Crickmore (1995). *Education of the Deaf and Hearing impaired: A brief history*. 2<sup>nd</sup> Edition, Mayfield, N.S.W. Education Management System.
- [5] I.G Kyle - B.Woll - G.Pullen - F.Maddix (2002). *Sign language, the study of deaf and their language*. Cambridge University, United Kingdom.

## Thiết kế dạy học tổng thể...

(Tiếp theo trang 120)

các quy tắc của Khung chương trình TKDHTT. GV sử dụng quy tắc của khung TKDHTT càng nhiều thì HS RLPTK sẽ được hỗ trợ và nhận được lợi ích nhiều hơn. Tuy nhiên, GV cần lưu ý, mỗi HS RLPTK lại là một cá nhân khác biệt, không ai giống ai, nên trong quá trình áp dụng Khung chương trình TTDHTT vào dạy học hòa nhập cho HS RLPTK, GV cần điều chỉnh nội dung, phương pháp, phương tiện cho phù hợp với từng HS để đảm bảo bài dạy thành công và nâng cao chất lượng của lớp học. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2013). *Tự kỉ - những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Christopher B. Penning - Amelia K. Moody (2013). *Supporting students with autism spectrum disorders in inclusive settings*. Rethinking Instruction & Resign. Electronic Journal for inclusive education.
- [4] Youth Sport Trust (2008). *High quality physical education for pupils with autism*. Loughborough University.